

Số: 02 /2015/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Lao động - Tiền lương;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở lập, thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian đối với gói thầu sử dụng vốn nhà nước hoặc vốn của doanh nghiệp nhà nước quy định tại Điều 1 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 3. Mức lương theo tháng của chuyên gia tư vấn trong nước

Mức lương theo tháng áp dụng đối với chuyên gia tư vấn trong nước (sau đây gọi là chuyên gia tư vấn) làm việc đủ thời gian theo tháng được quy định như sau:

1. Mức 1, không quá 40.000.000 đồng/tháng áp dụng đối với chuyên gia tư vấn thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 15 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn.

b) Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 8 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn.

c) Chuyên gia tư vấn đảm nhiệm chức danh Trưởng nhóm tư vấn hoặc chủ trì tổ chức, điều hành gói thầu tư vấn.

2. Mức 2, không quá 30.000.000 đồng/tháng áp dụng đối với chuyên gia tư vấn thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 10 đến dưới 15 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

b) Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 8 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

c) Chuyên gia tư vấn đảm nhiệm chức danh chủ trì triển khai một hoặc một số hạng mục thuộc gói thầu tư vấn.

3. Mức 3, không quá 20.000.000 đồng/tháng áp dụng đối với chuyên gia tư vấn thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

b) Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 3 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

4. Mức 4, không quá 15.000.000 đồng/tháng áp dụng đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có dưới 5 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

b) Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành tư vấn và có dưới 3 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

Trường hợp cần thiết, đối với dự án, công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, sử dụng công nghệ hiện đại đòi hỏi chuyên gia tư vấn có trình độ chuyên môn kỹ thuật đặc biệt, khả năng cung ứng của thị trường lao động còn hạn chế hoặc điều kiện làm việc khó khăn, ở vùng sâu, vùng xa, chủ đầu tư hoặc bên mời thầu lựa chọn, báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định mức

lương chuyên gia tư vấn cao hơn nhưng tối đa không quá 1,5 lần so với mức lương quy định tại Điều này.

Điều 4. Mức lương theo tuần, theo ngày và theo giờ của chuyên gia tư vấn

1. Mức lương theo tuần áp dụng đối với chuyên gia tư vấn làm việc từ 6 ngày trở lên nhưng không đủ một tháng được xác định trên cơ sở mức lương theo tháng quy định tại Điều 3 Thông tư này nhân với 12 tháng, chia cho 52 tuần và nhân với hệ số 1,2.

2. Mức lương theo ngày áp dụng đối với chuyên gia tư vấn làm việc từ 8 giờ trở lên nhưng không đủ 6 ngày, được xác định trên cơ sở mức lương theo tháng quy định tại Điều 3 Thông tư này chia cho 26 ngày và nhân với hệ số 1,3.

3. Mức lương theo giờ áp dụng đối với chuyên gia tư vấn làm việc dưới 8 giờ, được xác định trên cơ sở mức lương theo tháng quy định tại Điều 3 Thông tư này chia cho 26 ngày, chia cho 8 giờ và nhân với hệ số 1,3.

Điều 5. Áp dụng mức lương của chuyên gia tư vấn

1. Mức lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư này là mức tối đa, đã bao gồm tiền lương của những ngày nghỉ lễ, nghỉ tết, ngày nghỉ làm việc hưởng nguyên lương theo quy định của Bộ luật Lao động; chi phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thuế thu nhập cá nhân thuộc trách nhiệm của người lao động theo quy định của pháp luật hiện hành. Mức lương này không bao gồm chi phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành; chi phí quản lý của đơn vị quản lý, sử dụng chuyên gia (nếu có), chi phí đi lại, khảo sát, thuê văn phòng làm việc, thông tin liên lạc và các chi phí khác để đảm bảo chuyên gia tư vấn thực hiện nhiệm vụ.

2. Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu và địa điểm thực hiện dịch vụ tư vấn, chủ đầu tư hoặc bên mời thầu xác định mức lương phù hợp làm cơ sở lập, thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

3. Việc trả lương đối với chuyên gia tư vấn được căn cứ nội dung hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa chuyên gia tư vấn và nhà thầu gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, khối lượng, chất lượng công việc chuyên gia hoàn thành và quy chế trả lương của đơn vị.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

2. Thông tư số 18/2010/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 6 năm 2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiền lương đối với chuyên gia tư vấn

trong nước thực hiện gói thầu tư vấn và áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, điều chỉnh dự toán gói thầu và xử lý tình huống trong đấu thầu do thay đổi mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước quy định tại Thông tư này được thực hiện theo Luật đấu thầu, Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

4. Chủ đầu tư, bên mời thầu đánh giá tình hình thực hiện mức lương của chuyên gia tư vấn đối với gói thầu tư vấn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt của năm trước liền kề kèm theo Biểu mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này gửi người có thẩm quyền trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

5. Người có thẩm quyền tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện mức lương của chuyên gia tư vấn đối với gói thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc quyền quản lý của năm trước liền kề kèm theo Biểu mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.

6. Các Bộ, ngành có trách nhiệm ban hành chức danh, tiêu chuẩn đối với chuyên gia tư vấn trong nước thuộc lĩnh vực quản lý làm cơ sở để lựa chọn chuyên gia, xác định mức lương của chuyên gia tư vấn theo quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để được hướng dẫn bổ sung kịp thời. /

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan TW của các Hội, đoàn thể;
- Sở LĐTBXH, Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty hạng đặc biệt;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website của Chính phủ;
- Website của Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Vụ LĐTL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Minh Huân

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---------------------------------|----------------------|-------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | Nhóm chuyên gia 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | Mức 1 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Mức 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Nhóm chuyên gia 4 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | Mức 1 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Mức 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Nhóm chuyên gia đặc biệt (2) | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Mức 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Mức 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú: (1) Nhóm chuyên gia tương ứng với các mức lương quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 02 /2015/TT-BLĐTBXH.

(2) Nhóm chuyên gia đặc biệt được điều chỉnh mức lương cao hơn không quá 1,5 lần mức lương quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|------------------------------|-------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | Nhóm chuyên gia 3 | Mức 1 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | Mức 2 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | Nhóm chuyên gia 4 | Mức 1 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | Mức 2 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | Nhóm chuyên gia đặc biệt (2) | Mức 1 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | Mức 2 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú: (1) Nhóm chuyên gia tương ứng với các mức lương quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 02 /2015/TT-BLĐTBXH.

(2) Nhóm chuyên gia đặc biệt được điều chỉnh mức lương cao hơn không quá 1,5 lần mức lương quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn